

Số: **600** /ĐLTKV-VP

Hà Nội, ngày *16* tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

- Mã chứng khoán/ Mã thành viên: DTK
- Địa chỉ: Tầng 16 tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 024 3516 1605
- Email: vp@vinacominpower.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo số 217/BC-ĐLTKV ngày 16/4/2026 Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty Điện lực TKV -CTCP.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào cùng ngày tại địa chỉ: www.dienluctkv.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, ĐU, BKS (e-copy, b/c);
- TGD Bùi Minh Tân (e-copy, b/c);
- Các PTGD, KTTT (e-copy, b/c);
- Các Phòng ĐLTKV (e-copy);
- VP (đăng Website DTK);
- Lưu: VP, TCNS, Tk.HĐQT (02)

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



Đặng Đình Toàn

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo số 217/BC-ĐLTKV ngày 16/4/2026.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Hà Nội, tháng 4 năm 2026



Số: 217 /BC-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- * Tên giao dịch: Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP
- * Tên rút gọn: Tổng công ty Điện lực - TKV
- * Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Power Holding Corporation
- * Tên viết tắt: ĐLTKV
- * Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 7/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/10/2025.
- * Vốn điều lệ: 6.827.674.750.000 đồng (Sáu nghìn tám trăm hai mươi bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- * Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn góp của cổ đông chi phối TKV): 6.778.085.000.000 đồng (Sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- * Địa chỉ: Tầng 16, Toà nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- * Số điện thoại: (024) 3516 1605; Số Fax:
- * Website: www.dienluctkv.vn/
- * Mã cổ phiếu: DTK.

Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 21/10/2009, Tổng công ty Điện lực - TKV được thành lập theo Quyết định số 5211/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có vốn điều lệ ban đầu là 6.800 tỷ đồng (nay là 6.827 tỷ đồng như nêu trên), có chức năng thực hiện các ngành nghề kinh doanh bao gồm: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện, các nhà máy điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện (hệ thống cung cấp

điện); Mua, bán điện; Truyền tải và phân phối điện và các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Năm 2010, Tổng công ty Điện lực - TKV được đổi tên thành Tổng công ty Điện lực - Vinacomin theo Quyết định số 1940/QĐ-HĐTV ngày 19/8/2010 của Hội đồng thành viên TKV.

Ngày 19/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin.

Ngày 16/4/2015, Tổng công ty Điện lực - TKV thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số lượng cổ phần bán được là 1.191.300 cổ phần, giá đầu thành công bình quân là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Ngày 15/01/2016, Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động theo loại hình công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104297034, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/12/2009 (đến nay đã có đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2022).

Ngày 29/6/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 3902/UBCK-GSĐC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và ngày 15/12/2016 Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chính thức lên sàn giao dịch UPCOM với mã chứng khoán DTK có giá chào sàn là 14.000 đồng/ cổ phần.

Ngày 25/12/2020, được chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cổ phiếu của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (**Tổng công ty/ ĐLTKV**) với mã chứng khoán DTK chính thức khai trương niêm yết tại Sàn giao dịch - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----------|---|-----------------|
| 1 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. | 0810 |
| 2 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.) | 3290 |
| 3 | Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện). | 7020 |
| 4 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 7110 |
| 5 | Vận tải hành khách đường sắt. | 4911 |
| 6 | Vận tải hàng hóa đường sắt. | 4912 |

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|----|---|----------|
| 7 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). | 4931 |
| 8 | Vận tải hành khách đường bộ khác. | 4932 |
| 9 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. | 4933 |
| 10 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa. | 5021 |
| 11 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. | 5022 |
| 12 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa. | 2391 |
| 13 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. | 2392 |
| 14 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. | 2394 |
| 15 | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. | 2512 |
| 16 | Sản xuất các cấu kiện kim loại. (Chi tiết: Chế tạo, lắp ráp các sản phẩm cơ khí, thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 2511 |
| 17 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. (Chi tiết: Thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 2710 |
| 18 | Sản xuất thiết bị điện khác. | 2790 |
| 19 | Sửa chữa máy móc thiết bị. (Chi tiết: Sửa chữa thiết bị nhà máy điện, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực, kết cấu thép và các thiết bị công nghiệp khác.) | 3312 |
| 20 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép.) | 3311 |
| 21 | Khai thác và thu gom than cứng. | 0510 |
| 22 | Khai thác và thu gom than non. | 0520 |
| 23 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường). - Bán buôn xỉ lò nhiệt điện, bán buôn phụ gia xi măng. | 4669 |
| 24 | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. (Chi tiết: Bồi dưỡng tay nghề cho công nhân nhà máy điện, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho thi nâng bậc của công nhân nhà máy điện - không cấp chứng chỉ.) | 8560 |
| 25 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. (trừ hoạt động đầu giá). (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)). | 8299 |
| 26 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. (Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc và các sản phẩm liên quan). (Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến.) | 4661 |

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|----|---|--------------|
| 27 | Sản xuất điện. | 3511 (Chính) |
| 28 | Truyền tải và phân phối điện. (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và lưới điện, hệ thống cung cấp điện; mua, bán điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia.) (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước). | 3512 |
| 29 | Xây dựng công trình thủy. | 4291 |
| 30 | Xây dựng công trình khai khoáng. | 4292 |
| 31 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. | 4293 |
| 32 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: Xây dựng các công trình nhà máy điện, đường dây và trạm điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, cảng biển, kết cấu hạ tầng.) (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước). | 4299 |
| 33 | Xây dựng nhà để ở. | 4101 |
| 34 | Xây dựng nhà không để ở. | 4102 |
| 35 | Xây dựng công trình đường sắt. | 4211 |
| 36 | Xây dựng công trình đường bộ. | 4212 |

Đồng thời, ngày 08/9/2021 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 5142/UBCK-PTTT về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán DTK, niêm yết tại HNX) là **35%**.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Tổng công ty có địa bàn kinh doanh trên khắp lãnh thổ Việt Nam, trải dài từ Bắc vào Nam. Ngoại trừ Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 tại tỉnh Lâm Đồng, tất cả các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty đều nằm gần các mỏ than thuộc TKV, đốt chủng loại than xấu, có hàm lượng chất bốc thấp, độ lưu huỳnh cao cho phát điện. Trong đó, nhiều nhà máy nằm tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như: Na Dương (Lạng Sơn), Sơn Động (Bắc Ninh), Nông Sơn (Đà Nẵng),...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Tổng công ty theo điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật:

* *Đại hội đồng cổ đông*: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2026: Tổng công ty có 1 cổ đông lớn là TKV chiếm tỷ lệ 99,274% vốn điều lệ; Ngoại

trừ TKV, cổ đông tổ chức có 10 cổ đông (gồm 5 tổ chức trong nước và 6 tổ chức nước ngoài) chiếm tỷ lệ 0,0816%; Cổ đông cá nhân có 1390 cổ đông (gồm 1372 cổ đông cá nhân trong nước và 18 cổ đông nước ngoài) chiếm tỷ lệ 0,6447426% vốn điều lệ.

* *Hội đồng quản trị (HĐQT):*

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty bao gồm 5 thành viên gồm Chủ tịch (không điều hành) và 4 thành viên. Trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Chi tiết theo từng giai đoạn xin xem mục 2.1.1.

* *Ban Kiểm soát:* Gồm Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách; và 02 Kiểm soát viên.

* *Ban Tổng giám đốc:* Gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng Tổng công ty.

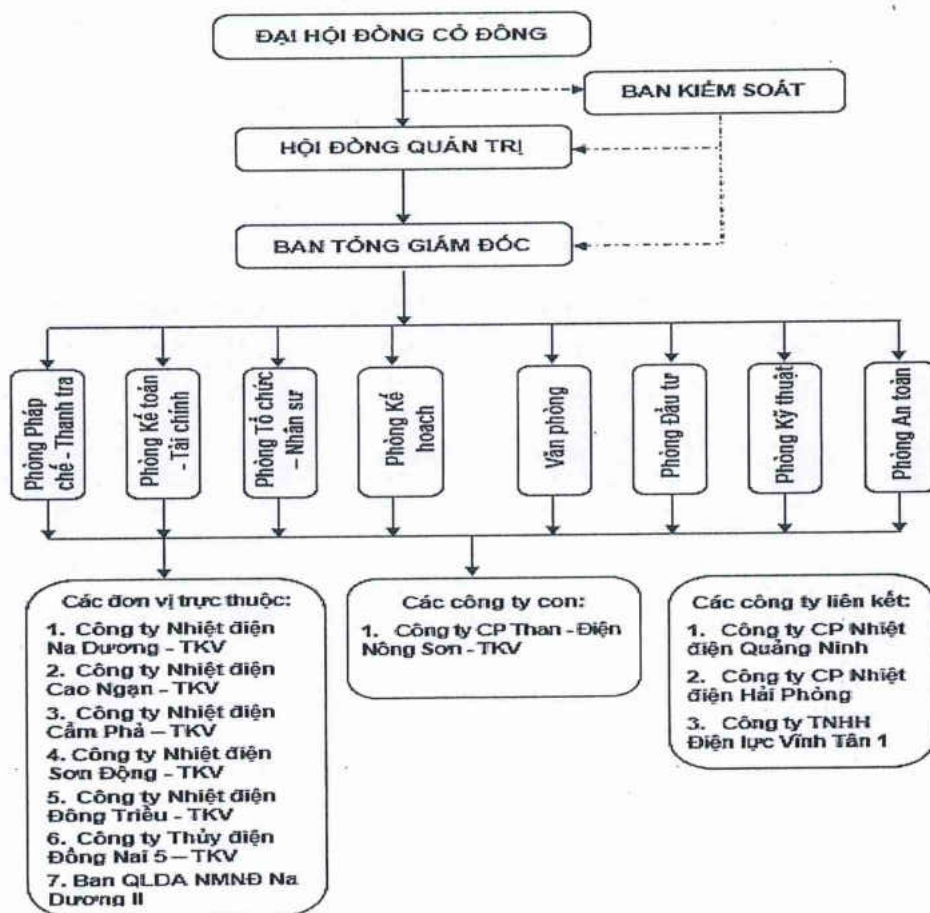
* *Các phòng chức năng:* 08 Phòng bao gồm: Văn phòng, Phòng Kế hoạch, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Pháp chế, Phòng Đầu tư, Phòng Kỹ thuật, Phòng An toàn.

* *Đơn vị trực thuộc:* 07 đơn vị.

* *Công ty con cổ phần chi phối:* 01 công ty.

* *Công ty liên kết:* 03 công ty.

Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

* *Hội đồng quản trị (HĐQT):* Số lượng thành viên HĐQT là 05 người, được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2021 - 2026).

HĐQT được ĐHCĐ giao nhiệm vụ quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

* *Ban Kiểm soát (BKS)*: Số lượng thành viên BKS hiện nay là 03 người, được ĐHCĐ bầu với nhiệm kỳ 5 năm (2021 - 2026). BKS được ĐHCĐ giao nhiệm vụ giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

* *Tổng giám đốc*: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng giám đốc được HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm.

* *Phó Tổng giám đốc*: Năm 2025, Ban Tổng giám đốc có 3 Phó Tổng giám đốc, giúp Tổng giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

* *Kế toán trưởng*: Có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc Tổng công ty giám sát tài chính và sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng công ty theo pháp luật; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

* *Các phòng chức năng*: Có 08 Phòng gồm Văn phòng và các Phòng chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chức năng do Tổng giám đốc quyết định sau khi được HĐQT thông qua.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Các đơn vị trực thuộc:

(1) Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ: Khu 4, Xã Na Dương, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

(2) Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ: Ngõ 719, đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

(3) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ: Số 01, Đường Trần Quốc Tảng, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

(4) Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ: Đồng Rì, Xã Tây Yên Tử, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

(5) Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ: thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

(6) Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ: Số 10 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

(7) Ban QLDA NMNĐ Na Dương II – TKV, địa chỉ: Khu 4, Xã Na Dương, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Về cơ cấu lại doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025, Công văn số 6000/TKV-TCNS ngày 07/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc triển khai sắp xếp doanh nghiệp theo đề án cơ cấu lại TKV đến năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025, HĐQT Tổng công ty trình ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/9/2024 và được thông qua tại Nghị quyết 14/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 26/09/2024, gồm những nội dung chính như sau:

(1) Về ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, phát triển năng lượng tái tạo, khai thác chế biến than;

(2) Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp: Về các mặt công tác quản trị chi phí, quản lý vật tư, công tác quản lý tài chính, công tác quản lý đầu tư, công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, tài nguyên; quản lý an toàn, vệ sinh môi trường, quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực.

(3) Về cơ cấu tổ chức bộ máy: Duy trì hoạt động của các chi nhánh, giữ nguyên vốn góp tại Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV, duy trì vốn góp tại các công ty liên kết (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1), thành lập Ban QLDA NMNĐ Na Dương II và Trung tâm sửa chữa ĐLTKV vào thời điểm thích hợp trên cơ sở tách bộ phận sửa chữa của các công ty nhiệt điện thuộc Tổng công ty.

(4) Xây dựng và phát triển thương hiệu ĐLTKV thành thương hiệu mạnh, là đối tác tin cậy, là Tổng công ty phát điện chuyên nghiệp.

(5) Nâng cao vị thế cạnh tranh khi tham gia thị trường điện, đặc biệt là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

(6) Định hướng đầu tư đổi mới công nghệ phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty đối với sản xuất điện và sản xuất than.

b) Các công ty con:

| Stt | Tên công ty con | Lĩnh vực SXKD chính | Địa chỉ | Vốn điều lệ (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Vốn thực góp (đồng) |
|-----|---------------------------------------|---|--|--------------------|------------------|---------------------|
| 1 | Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và bán than. | Thôn Nông Sơn, xã Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng. | 140.000.000.000 | 88,77 | 124.279.500.000 |

c) Các công ty liên kết:

| Stt | Tên công ty con | Lĩnh vực SXKD chính | Địa chỉ | Vốn điều lệ (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Vốn thực góp (đồng) |
|-----|------------------|---------------------|------------------|--------------------|------------------|---------------------|
| 1 | Công ty CP Nhiệt | Sản xuất, | Tổ dân phố số 6, | 5.000.000.000.000 | 7,21% | 360.500.000.000 |

| | | | | | | |
|---|----------------------------------|---|---|-------------------|--------|-----------------|
| | điện Hải Phòng | truyền tải và phân phối điện. | phường Nam Triệu, Tp. Hải Phòng. | | | |
| 2 | Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. | Tổ 33, Khu phố Hà Khánh, Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. | 4.500.000.000.000 | 10,62% | 477.841.310.000 |
| 3 | Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. | Nhà máy NĐ Vĩnh Tân 1, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | 351.014.400 USD | 5% | 17.550.000 USD |

4. Định hướng phát triển:

Xây dựng Tổng công ty trở thành doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chỉ tiêu công nghệ, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; đảm bảo khai thác vận hành hiệu quả, ổn định các nhà máy điện, cùng với các tập đoàn năng lượng khác (EVN, PVN) góp phần trong vai trò giữ vững đảm bảo cung ứng an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng mối quan hệ hài hòa trong Tổng công ty, vừa đảm bảo lợi ích của các cổ đông, của TKV và của Tổng công ty, đồng thời đảm bảo lợi ích cho người lao động trong Tổng công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về chính sách, tỷ giá:

- Các dự án nhà máy điện của Tổng công ty được thực hiện theo hình thức hợp đồng EPC với tổng thầu là nhà thầu nước ngoài, đồng tiền sử dụng thanh toán có liên quan đến tỷ giá ngoại tệ (USD, JPY, CNY,...). Do vậy rủi ro về chênh lệch tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tình hình thu xếp vốn cho các dự án có nhiều khó khăn.

5.2. Rủi ro về thị trường:

Giá thị trường điện có xu hướng giảm thấp hơn so với năm 2024 và có thời điểm ở mức thấp do sự tham gia ngày càng lớn của các nguồn năng lượng tái tạo và sự thay đổi cơ cấu nguồn điện trong hệ thống, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Tổng công ty. Để giảm thiểu rủi ro về thị trường, Tổng công ty tổ chức quản trị chi phí có hiệu quả. Bám sát thị trường và vận dụng cơ chế giá linh hoạt nhằm phát tối đa công suất các tổ máy và mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

5.3. Rủi ro về kỹ thuật công nghệ:

Việc đầu tư vào ngành điện đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài. Đồng thời, thiết bị kỹ thuật điện liên tục đổi mới (công nghệ lò hơi siêu tới hạn, trên siêu tới hạn, thiết bị đo lường, tự động hóa,...) do đó nhiều chủng loại thiết bị nhanh chóng lạc hậu, khó có thiết bị chủng loại cũ để thay thế và phải tính đến việc nâng cấp đổi mới. Một số tổ máy trong Tổng công ty đã vận hành nhiều năm, thiết bị có dấu hiệu suy giảm hiệu suất, phát sinh nhu cầu sửa chữa lớn và bảo dưỡng định kỳ, làm tăng chi phí sản xuất và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến độ tin cậy vận hành.

5.4 Áp lực chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải carbon.

Xu hướng chuyển dịch năng lượng theo hướng giảm phát thải và phát triển năng lượng sạch đang đặt ra yêu cầu cao đối với các nhà máy nhiệt điện than về tiêu chuẩn môi trường và công nghệ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Tình hình chung:

Năm 2025 diễn ra trong một môi trường kinh doanh có mức độ biến động và khó dự báo cao, đặc biệt đối với ngành năng lượng. Những thay đổi trong chính sách thương mại, biến động địa chính trị cùng với sự dịch chuyển của thị trường năng lượng toàn cầu đã tạo ra các tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong nước, mặc dù nền kinh tế duy trì được đà tăng trưởng tích cực, thị trường điện lại xuất hiện những diễn biến bất lợi. Tăng trưởng phụ tải thấp hơn nhiều so với dự báo, trong khi nguồn cung gia tăng nhanh từ thủy điện và năng lượng tái tạo đã dẫn đến tình trạng dư thừa nguồn điện trong một số thời điểm. Hệ quả là giá điện thị trường giảm sâu, có thời điểm giảm tới mức rất thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của các đơn vị phát điện.

Bên cạnh đó, giá nhiên liệu đầu vào có xu hướng tăng, trong khi công nợ tiền điện duy trì ở mức cao và thời gian thanh toán kéo dài đã tạo áp lực đáng kể lên dòng tiền và khả năng cân đối tài chính của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đó, HĐQT nhận định năm 2025 là năm đánh dấu sự chuyển dịch rõ nét từ trạng thái tăng trưởng thuận lợi sang trạng thái quản trị trong điều kiện rủi ro cao. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận điều hành phải thay đổi, từ việc theo đuổi tăng trưởng sản lượng sang ưu tiên hiệu quả, kiểm soát chi phí và đảm bảo an toàn tài chính.

Đối với Tổng công ty:

Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, Tổng công ty vẫn duy trì được kết quả sản xuất kinh doanh tích cực. Sản lượng điện mặc dù không đạt kế hoạch do nhu cầu thị trường suy giảm, tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính quan trọng như doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đều đạt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Việc duy trì mức cổ tức dự kiến cao hơn kế hoạch cũng thể hiện nỗ lực của Tổng công ty trong việc đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đồng thời giữ vững niềm tin của nhà đầu tư trong bối cảnh nhiều biến động.

Kết quả này phản ánh sự chủ động trong điều hành, đặc biệt là khả năng điều chỉnh kế hoạch phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và chiến lược ưu tiên hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Việc kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành thiết bị và nâng cao hiệu suất hoạt động của các tổ máy đã góp phần quan trọng trong việc bù đắp các yếu tố bất lợi từ thị trường.

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty đã duy trì được sự ổn định trong điều kiện thị trường điện có nhiều biến động bất lợi, thể hiện khả năng thích ứng và năng lực quản trị hiệu quả. Việc

đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính trong bối cảnh sản lượng không đạt kế hoạch cho thấy định hướng điều hành theo hướng ưu tiên hiệu quả và kiểm soát rủi ro là phù hợp.

Tuy nhiên, HĐQT cũng nhận định rằng những khó khăn mang tính cấu trúc của thị trường điện, môi trường chính sách, đặc biệt là biến động về giá nhiên liệu và áp lực dòng tiền, sẽ tiếp tục là thách thức trong thời gian tới. Do đó, việc nâng cao năng lực nội tại, tăng cường quản trị chi phí, kiểm soát rủi ro và chủ động thích ứng linh hoạt với biến động thị trường sẽ là yêu cầu xuyên suốt trong giai đoạn tiếp theo.

Trong tình hình đó, HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty đã có những giải pháp cụ thể, quyết liệt ngay từ đầu năm để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đánh giá chung về tình hình SXKD năm 2025 các nhà máy của Tổng công ty đã bám sát thị trường, phát huy tốt việc chào giá và vận hành, nhờ đó kết quả SXKD của Tổng công ty là tốt, mặc sản lượng điện đạt không đạt so với kế hoạch song các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thực hiện kế hoạch đầu tư của Tổng công ty vẫn cơ bản đạt kế hoạch năm 2025 đã được ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

1.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

| STT | Chỉ tiêu | KH ĐH ĐCĐ 2025 | | KH điều chỉnh | | Thực hiện 2025 | | Tỷ lệ so với KH/KHĐC (nếu có) | |
|-----|-------------------------------------|----------------|--------|---------------|--------|----------------|--------|-------------------------------|---------|
| | | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm (tr.kWh) | 8.950 | 8.793 | | | 8.725 | 8.557 | 97,49% | 97,31% |
| 2 | Doanh thu (tỷ đồng) | 13.297 | 12.822 | | | 12.964 | 12.825 | 97,49% | 100,03% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 680,0 | 677,4 | | | 712,9 | 712,8 | 104,84% | 105,22% |
| 4 | Đầu tư xây dựng (tỷ đồng) | 1.407 | 1.404 | 1.408 | 1.392 | 1.557 | 1.542 | 110,58% | 110,78% |

(Tỷ lệ chi trả cổ tức thực hiện năm 2025: Dự kiến sẽ bằng hoặc vượt kế hoạch 2025 được ĐHĐCĐ thông qua, tỷ lệ thực tế được quyết định trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 dự kiến tổ chức ngày 28/4/2026).

Sản lượng điện thương phẩm chỉ đạt 97,49% kế hoạch do nhu cầu huy động giảm, dẫn tới doanh thu của Tổng công ty chỉ đạt 97,49% kế hoạch. Tuy vậy, lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch 4,61% cho thấy Tổng công ty đã làm tốt công tác quản trị chi phí và chào giá trên thị trường điện.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban quản lý, điều hành:

2.1.1. Hội đồng quản trị:

-Đến 6/10/2025: HĐQT gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong số 04 thành viên HĐQT: có 01 thành viên chuyên trách (thường trực); 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty và 01 thành viên HĐQT độc lập.

-Từ 7/10/2025 đến 26/11/2025: HĐQT gồm Phụ trách HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc và 04 thành viên. Trong số 04 thành viên HĐQT: có 02 thành viên không điều hành; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; và 01 thành viên HĐQT độc lập.

-Từ 26/11/2025 đến nay: HĐQT gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong số 04 thành viên HĐQT: có 01 thành viên không điều hành; 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty; 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1) Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT:

Ngày 16/11/2025 ông được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty và được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT cùng ngày.

* *Năm sinh:* 1968.

* *Trình độ:* Kỹ sư Cơ khí Động Lực; Kỹ sư Khai Thác Mỏ.

* *Quá trình công tác:* Từ 9/1995 bắt đầu làm việc cho TKV với các chức vụ: Nhân viên phòng Cơ điện – Vận tải – Mỏ Than Vàng Danh; Phó quản đốc phân xưởng Lộ Thiên - Mỏ Than Vàng Danh; Phó quản đốc phân xưởng Ô tô - Mỏ Than Vàng Danh; Phó phòng Cơ điện – Vận tải - Công ty Xây dựng Mỏ; Phó Giám đốc xí nghiệp Xây lắp và sản xuất than Bắc Khe Tam Công ty Xây dựng M; Trưởng phòng kỹ thuật Cơ điện – Điều độ Xí nghiệp Cơ khí xây dựng Môi trường Mỏ, Công ty xây dựng Công trình Môi trường Mỏ - TKV; Phó phòng KTTH – Xí nghiệp Chế biến và tiêu thụ - Công ty than Hòn Gai – TKV; Quản đốc phân xưởng Vận tải – Xí nghiệp Chế biến và tiêu thụ - Công ty than Hòn Gai – TKV; Chuyên viên Ban Cơ điện vận tải – Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Phó trưởng Ban Cơ điện vận tải mỏ than – Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Phó trưởng Ban Thị trường than nội địa – Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Giám đốc - Công ty kho vận Đá Bạc – Vinacomin; Người Quản lý phần vốn – Ban Quản lý vốn – TKV.

* *Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:* Người quản lý phần vốn thuộc Ban Quản lý vốn TKV; Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (“TKV”) tại: Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP; Công ty CP Than miền Trung; Công ty CP Than miền Nam – Vinacomin; Công ty CP Chế tạo Máy-Vinacomin; thành viên HĐQT của: Công ty CP Than miền Trung; Công ty CP Than miền Nam – Vinacomin; Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Chế tạo Máy-Vinacomin.

2) Ông Ngô Thế Phiệt - Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT:

Ngày 7/10/2025 được HĐQT chấp thuận cho từ nhiệm Chủ tịch HĐQT, ngày 26/11/2025 ông được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 chấp thuận miễn nhiệm thành viên HĐQT.

* *Năm sinh:* 1968. *Trình độ:* Kỹ sư Khai thác mỏ.

* *Quá trình công tác:* Ông Ngô Thế Phiệt bắt đầu làm việc tại TKV từ năm 1992 đến nay. Ông Ngô Thế Phiệt từng giữ các chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật, Quản đốc Khai thác lò Công trường 8, Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT - Phó

giám đốc Kỹ thuật, Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành, Chủ tịch - Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin, Tỉnh Quảng Ninh. Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin, Tỉnh Quảng Ninh. Từ ngày 23/8/2023 đến nay Ông được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban TKV - Thành viên Ban Quản lý vốn TKV đầu tư tại các doanh nghiệp và được cử làm Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Tổng công ty và đã được ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/9/2023 bầu là Thành viên HĐQT và được các thành viên HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

* *Chức vụ tại đơn vị khác:* Người quản lý phần vốn thuộc Ban Quản lý vốn TKV; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin (đến ngày 05/10/2023); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin; Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin, Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin (cho đến hết ngày 25/6/2024).

3) Ông Bùi Minh Tân – Thành viên chuyên trách, Thường trực HĐQT:

- Năm sinh: 1981. Trình độ: Kỹ sư điện.

- Quá trình công tác: Ông Bùi Minh Tân bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng ban, Trưởng ban Đầu tư, Phó Tổng giám đốc. Ông Bùi Minh Tân giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2014 và thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/10/2024 và được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 ngày 26/9/2024, bầu làm thành viên chuyên trách HĐQT kể từ ngày 1/10/2024.

- Ngày 06/10/2025 ông được HĐQT bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

4) Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1975. *Trình độ:* Kỹ sư công nghệ nhiệt.

* *Quá trình công tác:* Ông Ngô Trí Thịnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV; Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV; Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Tổng công ty. Ông Ngô Trí Thịnh được bổ nhiệm Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2016, đến 03/10/2026 HĐQT có quyết định cho thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 6/10/2025.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

5) Ông Nguyễn Trung Thực - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc:

* *Năm sinh:* 1978. *Trình độ:* Kỹ sư Điện tự động hóa xí nghiệp.

* *Quá trình công tác:* Ông Nguyễn Trung Thực bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Trưởng ban Kỹ thuật Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, Giám đốc

Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV. Ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 26/3/2019 đến nay, đồng thời tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty. Ngày 7/10/2025 HĐQT đã bầu ông làm Phụ trách HĐQT cho đến ngày 26/11/2025.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Kiêm Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (đến ngày 5/5/2023).

6) Ông Nguyễn Đức Thảo - Thành viên HĐQT độc lập:

* *Năm sinh:* 1953. *Trình độ:* Tiến sỹ khoa học.

* *Quá trình công tác:* Ông Nguyễn Đức Thảo bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ tháng 01/2010, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ tháng 01/2010 đến tháng 4/2013 nghỉ chế độ hưu trí. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2.1.2. Ban Kiểm soát:

Bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách; và 02 thành viên.

1) Ông Lê Ngọc Nam - Trưởng Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1971. *Trình độ:* Cử nhân kinh tế.

* *Quá trình công tác:* Ông Lê Ngọc Nam bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009, từ tháng 3/2012 được giao giữ chức vụ Trưởng ban Kế hoạch Tổng công ty. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức vào ngày 28/4/2021 đã được bầu làm Trưởng Ban Kiểm.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2) Bà Bùi Thu Thái - Thành viên Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1981. *Trình độ:* Kỹ sư xây dựng.

* *Quá trình công tác:* Bà Bùi Thu Thái bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Hiện tại giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Đầu tư Tổng công ty kể từ năm 2014 đến nay và được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty kể từ năm 2016 đến nay.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

3) Bà Đào Thị Hoàng Yến - Thành viên Ban Kiểm soát:

* *Năm sinh:* 1973. *Trình độ:* Kỹ sư Tuyển khoáng, Cử nhân kế toán tài chính.

* *Quá trình công tác:* Bà Đào Thị Hoàng Yến bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2012 đến nay, công tác tại: Ban Đầu tư (2012 - 2018), Phòng Kế hoạch (7/2018 - nay). Tháng 3/2025 bà được bổ nhiệm làm Phó phòng Pháp chế Tổng công ty. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty tổ chức ngày 28/4/2021 đã được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

* *Chức vụ tại các đơn vị khác:* Không.

2.1.3. Ban Tổng giám đốc:

Năm 2025, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, và 03 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Cụ thể như sau:

1) Ông Ngô Trí Thịnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (đến ngày 6/10/2025): Đã thông tin tại mục 4) phần 2.1.1. ở trên.

2) Ông Bùi Minh Tân – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (từ ngày 6/10/2025): Từ ngày 6/10/2025. Đã thông tin tại mục 3) 2.1.1 ở trên

3) Ông Nguyễn Trung Thực - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc: Đã thông tin tại mục 5) phần 2.1.1. ở trên.

4) Ông Nghiêm Xuân Chiến - Phó Tổng giám đốc:

* Năm sinh: 1969. Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp.

* Quá trình công tác: Ông Nghiêm Xuân Chiến bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2009 đến nay, trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Trưởng ban Kỹ thuật Tổng công ty; Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV; Giám đốc Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV. Ông Nghiêm Xuân Chiến được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/10/2021 đến nay.

* Chức vụ tại các đơn vị khác: Người đại diện quản lý phần vốn Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND), Thành viên HĐQT HND (kể từ ngày 24/6/2022). Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn – TKV từ ngày 10/6/2024, Thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT kể từ ngày 28/6/2024.

5) Ông Đặng Quốc Long – Phó Tổng giám đốc:

* Năm sinh: 1971 Trình độ: Thạc sĩ khai thác mỏ, kỹ sư khai thác mỏ, kỹ sư kỹ thuật điện, Cử nhân quản trị kinh doanh, trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

* Quá trình công tác: Ông Đặng Quốc Long bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Than – Điện Nông Sơn -TKV từ năm 1993, ông đã giữ các chức vụ Phó phòng kỹ thuật Mỏ than Nông Sơn, Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ than Nông Sơn, Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Than – Điện Nông Sơn, Phó giám đốc, và Giám đốc Công ty CP Than – Điện Nông Sơn, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/07/2024.

* Chức vụ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/06/2024), Giám đốc Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn – TKV (miễn nhiệm ngày 01/07/2024).

8) Bà Lưu Thị Minh Thanh - Kế toán trưởng:

* Năm sinh: 1978. Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ QTKD.

* Quá trình công tác: Bà Lưu Thị Minh Thanh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình công tác đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng ban Kế toán - Tài chính Tổng công ty (nay là Phòng Kế toán - Tài chính), Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Phó

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Tổng công ty. Bà Lưu Thị Minh Thanh được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty kể từ ngày 01/8/2022 đến nay.

* Chức vụ tại các đơn vị khác: Không.

2.1.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý, điều hành:

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Số lượng CP nắm giữ | | Tỷ lệ (%) |
|------------|--------------------------|--|-------------------------------------|--------|-----------|
| | | | Ủy quyền | Sở hữu | |
| I | Hội đồng quản trị | | | | |
| 1 | Ngô Thế Phiệt | Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT (đã thông tin tại mục 2) 2.1.1 ở trên) | 677.808.500 (đến ngày 6/10/2025) | | 99,27 |
| 2 | Ông Phạm Tuấn Ngọc | Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT (đã thông tin tại mục 1) 2.1.1 ở trên) | 677.808.500 (từ ngày 6/10/2025) | | |
| 3 | Ông Bùi Minh Tân | Thành viên HĐQT, thường trực HĐQT, Tổng giám đốc (đã thông tin tại mục 3) 2.1.1 ở trên). | 0 | 10.800 | 0,0016 |
| 4 | Ngô Trí Thịnh | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (đã thông tin tại mục 4) 2.1.1 ở trên). | 0 | 36.200 | 0,0053 |
| 5 | Nguyễn Trung Thực | Thành viên HĐQT | 0 | 7.900 | 0,0012 |
| 6 | Nguyễn Đức Thảo | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 10.000 | 0,0015 |
| II | Ban Kiểm soát | | | | |
| 1 | Lê Ngọc Nam | Trưởng ban Kiểm soát | 0 | 12.300 | 0,0018 |
| 2 | Bùi Thu Thái | Kiểm soát viên | 0 | 2.700 | 0,0004 |
| 3 | Đào Thị Hoàng Yến | Kiểm soát viên | 0 | 0 | 0 |
| III | Ban Tổng giám đốc | | | | |
| 1 | Ngô Trí Thịnh | Thành viên HĐQT, TGD | Đã nêu tại mục I Biểu này | | |
| 2 | Bùi Minh Tân | Thành viên HĐQT, TGD | Đã nêu tại mục I Biểu này | | |
| 2 | Nguyễn Trung Thực | Thành viên HĐQT, Phó TGD | Đã nêu tại mục I Biểu này | | |
| 5 | Nghiêm Xuân Chiến | Phó TGD | 0 | 23.200 | 0,0034 |
| 7 | Đặng Quốc Long | Phó TGD | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Lưu Thị Minh Thanh | Kế toán trưởng | 0 | 2.000 | 0.0003 |

2.2. Những thay đổi trong ban quản lý, điều hành trong năm 2025:

Ngày 7/10/2025 HĐQT đã chấp thuận cho ông Ông Ngô Thế Phiệt từ nhiệm Chủ tịch HĐQT theo đơn từ nhiệm của Ông. Cùng ngày, HĐQT đã bầu ông Nguyễn Trung Thực làm Phụ trách HĐQT cho đến khi bầu được Chủ tịch HĐQT.

DHĐCĐ bất thường ngày 26/11/2025 đã miễn nhiệm Ông Ngô Thế Phiệt Thành viên HĐQT theo đơn từ nhiệm và bầu Ông Phạm Tuấn Ngọc làm thành viên HĐQT. Cùng ngày, HĐQT cũng đã bầu ông Phạm Tuấn Ngọc làm Chủ tịch

HĐQT.

Ông Ngô Trí Thịnh thôi giữ chức Tổng giám đốc từ 06/10/2025. Ông Bùi Minh Tân được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 06/10/2025.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

a) Số lượng CBCNV:

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại thời điểm 01/01/2025: 1.646 người, tại thời điểm 31/12/2025: 1.661 người;
- Lao động bình quân Công ty mẹ năm 2025: 1.666 người (trong đó Ban QLDA ND II bình quân 35 người).

b) Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, với một số nội dung chính như sau:

-Xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN,... và giải quyết các chế độ bảo hiểm, chế độ trợ cấp,... theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Xem xét, đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng thành tích theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

-Cử tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trong nước và nước ngoài theo yêu cầu công việc.

-Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

-Người lao động được tạo thuận lợi tham gia các tổ chức đoàn thể.

-Cấp phát trang phục, trang bị làm việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình thực hiện đầu tư các dự án đầu tư xây dựng:

Trong năm 2025, công tác đầu tư xây dựng của Tổng công ty được triển khai bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào các dự án trọng điểm và các dự án phục vụ duy trì, nâng cao hiệu quả sản xuất. Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2025 đạt khoảng 1.557 tỷ đồng, đạt 110,58% kế hoạch, cho thấy tiến độ triển khai các dự án cơ bản được đảm bảo.

Đối với Dự án NMNĐ Na Dương II (Dự án nhóm A), Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các hạng mục thiết kế, mua sắm thiết bị và thi công xây dựng. Công tác thiết kế chi tiết đang được triển khai với khối lượng hết năm 2025 đạt trên 66%. Công tác cung cấp thiết bị được thực hiện theo tiến độ, nhiều hạng mục thiết bị chính đã được chế tạo, vận chuyển và tập kết tại công trường. Công tác thi công xây dựng các hạng mục chính như lò hơi, gian máy, hệ thống xử lý khí thải, tháp làm mát, các hạng mục phụ trợ cơ bản hoàn thành

phần móng và đang chuyển sang giai đoạn lắp đặt thiết bị. Một số hạng mục quan trọng đã hoàn thành lắp đặt như kết cấu thép lò hơi, bao hơi, stator máy phát, máy biến áp chính... Tổng giá trị thực hiện hợp đồng EPC trong năm 2025 đạt khoảng 1.699 tỷ đồng, tương đương khoảng 47% giá trị hợp đồng đã ký, phản ánh tiến độ triển khai cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra.

Đối với Dự án đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) - NMNĐ Na Dương (Dự án nhóm B), Tổng công ty đã hoàn thành phê duyệt thiết kế kỹ thuật và chính thức khởi công xây dựng vào tháng 12/2025. Nhà thầu đang triển khai thiết kế chi tiết, đồng thời thực hiện các công tác chuẩn bị thi công như xây dựng hạ tầng công trường, đào móng và chuẩn bị thi công cọc. Công tác mua sắm thiết bị đang được triển khai song song với quá trình hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật. Giá trị thực hiện hợp đồng EPC trong năm 2025 đạt khoảng 20,9 tỷ đồng, tương đương khoảng 8% giá trị hợp đồng đã ký.

Bên cạnh 02 dự án trọng điểm nêu trên, các dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công nghệ tiếp tục được triển khai theo kế hoạch, góp phần duy trì độ tin cậy vận hành và từng bước nâng cao hiệu suất, giảm tiêu hao và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về môi trường.

Nhìn chung, trong năm 2025, công tác đầu tư của Tổng công ty được triển khai đồng bộ, bám sát mục tiêu kế hoạch, đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm và góp phần quan trọng vào việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tạo nền tảng cho phát triển trong các năm tiếp theo..

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty con, liên kết:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của các công ty con, liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: (i) Sản lượng điện sản xuất đạt 5.957,89 tr.kWh bằng 85% so với kế hoạch năm, Sản lượng điện thương mại đạt 5.402,18 tr.kWh đạt 85% so với kế hoạch năm. (ii) Tổng Doanh thu đạt 9.748,49 tỷ đồng bằng 89% so với kế hoạch năm. (iii) Lợi nhuận sau thuế đạt 342,43 tỷ đồng bằng 136% so với kế hoạch năm.

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông ở mức 4%, trong năm Tổng công ty đã nhận với giá trị 14,420 tỷ đồng (Trong đó năm 2024, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu tài chính với tỷ lệ tạm ứng lần 1 là 3%, 1% còn lại ghi nhận trong năm 2025).

(2) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh:

Công ty Nhiệt điện Quảng Ninh: (i) sản lượng điện sản xuất: 6,91 tỷ kWh bằng 88,51% kế hoạch năm; sản lượng điện thương phẩm: 6,30 tỷ kWh bằng 89,37% kế hoạch năm; Doanh thu (chưa có CLTG) 10.156 tỷ đồng bằng 85,11% kế hoạch năm; (ii) Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 1.035,9 tỷ đồng, bằng 225,2% kế hoạch năm.

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông ở mức 12%, trong năm Tổng công ty đã nhận với giá trị 57,341 tỷ đồng.

(3) Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1:

Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1: (i) Sản lượng điện sản xuất: 6,67 tỷ kWh bằng 89% kế hoạch năm; sản lượng điện thương phẩm: 6,23 tỷ kWh bằng 89% kế hoạch năm; (ii) Doanh thu: 512,64 triệu USD bằng 95% kế hoạch năm; (iii) Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 107,73 triệu USD, bằng 105% kế hoạch năm.

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức, Tổng công ty nhận được với giá trị 3.000.000 USD.

(1) Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn TKV:

Công ty Cổ phần Than Điện Nông Sơn TKV trong năm 2025: Sản lượng điện sản xuất: 192.581 MWh (đạt 106,99% so với KH năm là 180.000 MWh); Sản lượng điện thương mại: 168.659 MWh (đạt 107,42% so với KH năm là 157.014 MWh) ; Sản lượng than nguyên khai: 120.808 tấn, đạt 100,67% kế hoạch giao; Sản lượng than sạch: 114.484 tấn, đạt 98,69% kế hoạch giao; Sản lượng than tiêu thụ: 116.726 tấn, đạt 100,63% kế hoạch giao; Các chỉ tiêu tài chính được thể hiện trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

Nhìn chung, trong năm 2025 do tình hình chung của thị trường các đơn vị mà Tổng công ty góp vốn đều không hoàn thành các chỉ tiêu như điện sản xuất, doanh thu, tuy nhiên chỉ tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận thì các đơn vị này vẫn đạt được và có tăng trưởng, Tổng công ty vẫn nhận được cổ tức do vậy Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn góp của mình.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: CÔNG TY MẸ

| Chỉ tiêu \ Năm | 2024 | 2025 | % so 2024 |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 15.157.147.296.283 | 15.033.599.873.288 | 0,992 |
| Doanh thu thuần | 12.713.921.164.114 | 12.616.201.271.469 | 0.992 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 755.931.224.581 | 706.129.427.572 | 0,934 |
| Lợi nhuận khác | 6.626.262.674 | 6.659.433.135 | 1,005 |
| Lợi nhuận trước thuế | 762.557.487.255 | 712.788.860.707 | 0,935 |
| Lợi nhuận sau thuế | 702.928.056.681 | 654.790.913.318 | 0,932 |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Stt | Chỉ tiêu \ Năm | ĐVT | 2024 | 2025 |
|------------|----------------------------------|------------|-------------|-------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: | | | |
| - | Hệ số thanh toán ngắn hạn: | Lần | 0,97 | 1,07 |

| | | | | |
|---|--|-----|------|------|
| | Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn | | | |
| - | Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | Lần | 0,91 | 0,96 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: | | | |
| - | Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | Lần | 0,44 | 0,42 |
| - | Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,78 | 0,72 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: | | | |
| - | Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | Lần | 0,84 | 0,84 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - | Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu | % | 5,76 | 5,65 |
| - | Tỷ suất sinh lời của tài sản | % | 4,48 | 4,34 |
| - | Tỷ suất sinh lời/vốn chủ sở hữu | % | 9,69 | 7,58 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách chốt cổ đông thời điểm ngày 27/03/2026:

a) Cổ phần:

| Tổng số cổ phần | Loại cổ phần | Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do | Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng |
|-----------------|-------------------|--------------------------------------|--|
| 682.767.475 | Cổ phần phổ thông | 682.767.475 | 0 |

b) Cơ cấu cổ đông:

-Cổ đông sáng lập: Không có.

-Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ:

| Họ tên | GCNĐKDN | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|--|------------|---|-------------|-----------|
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. | 5700100256 | Số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. | 677.808.500 | 99,27 |

-Cơ cấu cổ đông: theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2026, Tổng công ty có 1 cổ đông lớn là TKV chiếm tỷ lệ 99,274% vốn điều lệ; Ngoài trừ TKV, cổ đông tổ chức có 10 cổ đông (gồm 5 tổ chức trong nước và 6 tổ chức nước ngoài) chiếm tỷ lệ 0,0816%; Cổ đông cá nhân có 1390 cổ đông (gồm 1372 cổ đông cá nhân trong nước và 18 cổ đông nước ngoài) chiếm tỷ lệ 0,6447426% vốn điều lệ:

| Stt | Cổ đông | Số cổ đồng | Cổ phần | Trị giá | Tỷ lệ %/ VDL |
|----------|--|---------------|------------------|-----------------|-------------------|
| | | | sở hữu | (tỷ đồng) | |
| | Tổng cộng | 1401 | 682.767.475 | 6.783,46000 | 100,00000000% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 11 | 678.345.982 | 6.783,46000 | 99,3552574% |
| 1.1 | Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam | 1 | 677.808.500 | 6.778,08500 | 99,2736949% |
| 1.2 | Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco | 1 | 1.500 | 0,01500 | 0,0002197% |
| 1.3 | Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam | 1 | 530.882 | 5,30882 | 0,0777544% |
| 1.4 | Công ty Cổ phần Virtus Prosperity | 1 | 100 | 0,00100 | 0,0000146% |
| 1.5 | Công ty TNHH Một thành viên IMF Việt Nam | 1 | 10.500 | 0,10500 | 0,0015379% |
| 1.6 | Barclays Capital Securities Limited | 1 | 2.500 | 0,02500 | 0,0003662% |
| 1.7 | J.P.Morgan Securities PLC | 1 | 100 | 0,00100 | 0,0000146% |
| 1.8 | KB Securities CO., LTD. | 1 | 200 | 0,00200 | 0,0000293% |
| 1.9 | KRUNGTHAI XSPRING SECURITIES COMPANY LIMITED | 1 | 7.400 | 0,07400 | 0,0010838% |
| 1.10 | Mirae Asset Securities CO., LTD. | 1 | 600 | 0,00600 | 0,0000879% |
| 1.11 | NH Investment & Securities Co., Ltd. | 1 | 3.100 | 0,03100 | 0,0004540% |
| 2 | Cổ đông cá nhân (người lao động và cổ đông ngoài) | 1390 | 4.421.493 | 44,02093 | 0,6447426% |

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Trong năm Tổng công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) *Các chứng khoán khác:*

-Ngày 31/7/2018, Tổng công ty đã phát hành thành công Trái phiếu riêng lẻ (trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, tự do chuyển nhượng và có nghĩa vụ trả nợ trực tiếp) với khối lượng phát hành thực tế là 400 tỷ đồng và kỳ hạn 7 năm.

-Ngoài ra, Tổng công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm và không có các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là sản xuất điện nên lượng nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm chủ yếu bao gồm than, đá vôi và nước được nêu dưới đây. Đồng thời không xác định tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Do đặc thù về sản phẩm của Tổng công ty nên tiêu thụ năng lượng được tính bằng lượng điện tự dùng. Năm 2024 tổng lượng điện tự dùng của Tổng công ty là: 1.083 tr. kWh gồm cả điện tự dùng của công ty con là Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV.

6.3. Sử dụng nước: Trừ nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 được đặt trên sông Đồng Nai sử dụng nước để phát điện, do đặc thù, các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty phải sử dụng nước làm mát. Nguồn nước làm mát lấy từ sông gần vị trí đặt nhà máy, riêng NMNĐ Cẩm Phả sử dụng nước biển để làm mát. Lượng nước này sau khi sử dụng để làm mát được hoàn trả lại môi trường tự nhiên.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Năm 2025 Tổng công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị các cơ quan thẩm quyền xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động có mặt Công ty mẹ tại thời điểm 01/01/2025: 1.646 người, tại thời điểm 31/12/2025: 1.661 người;

- Lao động bình quân Công ty mẹ năm 2025: 1.666 người (trong đó Ban QLDA ND II bình quân 35 người).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước cho người lao động, đồng thời luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tổng công ty đã ban hành và cập nhật sửa đổi các Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi; Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Tổng công ty và các quy chế, quy định liên quan, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cống hiến và gắn bó, làm việc lâu dài cho Tổng công ty. Các quy chế này được sửa đổi, bổ sung phù hợp với chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổng công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý do TKV tổ chức, cũng như cử cán bộ đi học tập thực tiễn tại các doanh nghiệp trong nước và ở nước ngoài, tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng công ty luôn quan tâm các mặt hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác tại các địa bàn nơi đặt các nhà máy của Tổng công ty thuộc vùng sâu, vùng xa như: Hỗ trợ làm nhà cho người nghèo huyện Sơn Động và Nông Sơn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Kết quả thực hiện KHSXKD năm 2025

| | Chỉ tiêu | KH ĐH ĐCĐ 2025 | | KH điều chỉnh | | Thực hiện 2025 | | Tỷ lệ so với KH/KHĐC (nếu có) | |
|---|-------------------------------------|----------------|--------|---------------|--------|----------------|--------|-------------------------------|---------|
| | | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ | Hợp nhất | Cty mẹ |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm (tr.kWh) | 8.950 | 8.793 | | | 8.725 | 8.557 | 97,49% | 97,31% |
| 2 | Doanh thu (tỷ đồng) | 13.297 | 12.822 | | | 12.964 | 12.825 | 97,49% | 100,03% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 680,0 | 677,4 | | | 712,9 | 712,8 | 104,84% | 105,22% |
| 4 | Đầu tư xây dựng (tỷ đồng) | 1.407 | 1.404 | 1.408 | 1.392 | 1.557 | 1.542 | 110,58% | 110,78% |

Sản lượng điện thương phẩm chỉ đạt 97,49% kế hoạch do nhu cầu huy động giảm, dẫn tới doanh thu của Tổng công ty chỉ đạt 97,49% kế hoạch. Tuy vậy, lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch 4,61% do Tổng công ty đã làm tốt công tác quản trị chi phí và thị trường điện.

b) Đánh giá chung về công tác quản lý điều hành để thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2025

Để đạt được những kết quả nêu trên, Tổng công ty đã thực hiện tốt một số nội dung công việc như sau:

(1) Công tác chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất kinh doanh

Để tăng cường công tác chỉ đạo trong việc thực hiện KH năm 2025, ngay từ cuối năm 2024, Tổng Công ty đã triển khai tạm giao/thông qua các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025, đồng thời ban hành các giải pháp, kế hoạch điều hành, vận hành các nhà máy đảm bảo khả dụng các tổ máy, đáp ứng tốt yêu cầu huy động từ A0 chỉ đạo các nhà máy bám sát, tuân thủ quy trình vận hành, chào giá chủ động, linh hoạt, xây dựng các kịch bản tham gia thị trường điện nhằm mang lại hiệu quả cao cho đơn vị, rút kinh nghiệm từ thực tế vận hành trong những năm trước đây, không chạy theo sản lượng, sản xuất phải đảm bảo hiệu quả kinh tế “**tối đa hóa lợi nhuận**”, đảm bảo công tác an toàn, môi trường, cảnh quan các nhà máy theo tiêu chí “Nhà máy trong công viên”.

(2) Nâng cao chất lượng, hiệu quả về mặt kỹ thuật, công nghệ

Công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, các nhà máy tuân thủ thực hiện đúng các quy định, quy chế quản lý kỹ thuật đã ban hành. Công tác diễn tập sự cố được duy trì thường xuyên. Các đơn vị đã xây dựng kế hoạch SCBD năm đồng thời xây dựng và triển khai các gói mua sắm vật tư phục vụ SCTX, SCL và đã chủ động lập kế hoạch, tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên theo tuần, tháng, quý đồng thời kết hợp khi có lệnh điều độ dừng tổ máy với thời gian nhanh và chất lượng công việc được đảm bảo, đưa tổ máy vào khả dụng sớm nhất đáp ứng sản xuất.

Công tác chuyển đổi số:

Đề án chuyển đổi số của Tổng công ty đến năm 2030 đã được HĐQT Tổng công ty phê duyệt tại Quyết định số 2017/QĐ-ĐLTKV ngày 19/8/2024. Trên cơ sở các nội dung của Đề án đã được phê duyệt, Tổng công ty đã triển khai theo các dự án trong Kế hoạch đầu tư năm 2025, cụ thể:

+ Xây dựng phần mềm kế toán tài chính quản lý tập trung tại Tổng công ty Điện lực - TKV: Năm 2025 đã phê duyệt dự án, hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng xây dựng phần mềm kế toán tài chính quản lý tập trung tại Tổng công ty Điện lực - TKV. Năm 2026 sẽ tiếp tục triển khai dự án và dự kiến hoàn thành vào tháng 9/2026.

+ Triển khai chuẩn hoá hạ tầng CNTT và quản trị dữ liệu: Năm 2025 đã hoàn thành công tác lập dự án. Năm 2026 sẽ rà soát, hoàn thiện, phê duyệt và triển khai thực hiện.

+ Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự: Năm 2025 đã phê duyệt dự án và đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu. Năm 2026 sẽ ký hợp đồng, triển khai thực hiện và dự kiến hoàn thành dự án trong năm 2026.

+ Xây dựng phần mềm phiếu thao tác điện tử: Năm 2025 đã phê duyệt dự án, hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng xây dựng phần mềm phiếu thao tác điện tử. Năm 2026 sẽ tiếp tục triển khai dự án và dự kiến hoàn thành vào tháng 3/2026.

+ Xây dựng phần mềm quản lý sửa chữa bảo dưỡng thiết bị: Năm 2025 đã hoàn thành công tác lập dự án. Tuy nhiên, sau khi rà soát, để đáp ứng nhu cầu công tác quản lý tài sản, Tổng công ty đang triển khai các thủ tục thay đổi quy mô, tính chất của dự án (từ dự án phần mềm quản lý sửa chữa bảo dưỡng thiết bị sang Dự án phần mềm quản lý tài sản). Năm 2026 sẽ tiếp tục hoàn thiện, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án.

Công tác chuyển đổi nhiên liệu: Tổng công ty đã phối hợp cùng Công ty TNHH Erex (Erex) thực hiện công tác thử nghiệm đồng đốt tại NMNĐ Na Dương từ tháng 09-11/2025 và đốt thử nghiệm tại NMNĐ Cao Ngạn từ tháng 12/2025-01/2026. Hiện tại các bên đang phối hợp đánh giá kết quả đốt thử nghiệm tại NĐ Na Dương và Cao Ngạn và chuẩn bị khảo sát đánh giá tại NĐ Cẩm Phả, Sơn Động và Nông Sơn. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn phối hợp cùng SGC E&C Hàn Quốc thực hiện công tác nghiên cứu khả thi Chuyển đổi nhiên liệu tại NMNĐ Na Dương và Cao Ngạn.

Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng kiến và cải tiến kỹ thuật:

Năm 2025, toàn Tổng công ty đang triển khai nghiên cứu 08 đề tài, đã tổ chức nghiệm thu 03 Đề tài của các đơn vị là Đông Triều và Đồng Nai 05 và 05 đề tài dự kiến hoàn thành trong quý I/2026. Đối với công tác sáng kiến và cải tiến kỹ thuật: Trong năm 2025, toàn Tổng công ty có 66 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được công nhận, các sáng kiến này đã đem lại hiệu quả thiết thực về cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn về người và thiết bị, đảm bảo môi trường.

(3) Làm tốt công tác phân tích, đánh giá thị trường điện

Công tác thị trường điện đã được chú trọng, giúp tăng cường hiệu quả SXKD của Tổng công ty. Việc chào giá của tất cả các nhà máy thực hiện theo chiến lược chung và thống nhất trong toàn Tổng công ty đã giúp tối ưu lợi nhuận trong giai đoạn giá thị trường thấp. Bên cạnh đó, tỷ lệ phát vượt Qc khi giá thị trường thấp tại các đơn vị giảm đáng kể so với thời điểm trước khi thực hiện chào giá tập trung. Trong năm 2025, mặc dù giá thị trường thấp, nhưng Tổng công ty vẫn tận dụng tối đa doanh thu bằng chiến lược chào giá phù hợp: chào giá dừng máy hoặc giảm công suất phát khi thị trường thấp để giảm thiểu chi phí biến đổi phần nhiên liệu mà vẫn tối đa doanh thu CFD nhận được; phân tích và dự báo tốt giá biên miền, giá biên hệ thống để chào giá mức giá trần bản chào để lấy doanh thu phát tăng thêm (Rcon). Tổng giá trị làm lợi từ thị trường điện ước đạt 209 tỷ đồng.

(4) Nâng cao hiệu quả quản trị chi phí và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Trong năm 2025, Tổng công ty đã làm tốt công tác quản trị các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Các chỉ tiêu KTKT chính như than, dầu, đá, các loại hoá chất,... hầu hết đều được đảm bảo theo kế hoạch, trong đó: chỉ tiêu suất tiêu hao nhiệt thô (HHV) trung bình toàn Tổng công ty là 2.617 Kcal/KWh, bằng 96,96% kế hoạch TKV (2.698 Kcal/KWh); tỷ lệ điện tự dùng là 11,13%, bằng 98,24% kế hoạch TKV (11,33%).

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Như Báo cáo Tài chính năm 2025 được kiểm toán đã được công bố.

b) Tình hình nợ phải trả:

Thu xếp vốn ngắn hạn: tổng giải ngân vay vốn ngắn hạn phục vụ SXKD 9.192 tỷ đồng, trong đó:

+ Công ty mẹ Tổng công ty: 9.008 tỷ đồng

+ Nông Sơn: 184 tỷ đồng

Dư nợ vay ngắn hạn cuối 31/12/2025 là: 1.557 tỷ đồng (Dư nợ vay đảm bảo Định mức dư nợ tín dụng HĐQT đã phê duyệt trong năm 2025 là 2.100 tỷ đồng).

- Thu xếp vốn TDH: 1.233,03 tỷ đồng, chủ yếu cho các Dự án đầu tư phục vụ sản xuất (dự án nhóm C), bổ sung nguồn vốn kinh doanh, cụ thể như sau:

| TT | Đơn vị | Số tiền giải ngân (tỷ đồng) |
|----|------------|-----------------------------|
| 1 | Na Dương | 16,70 |
| 2 | Cao Ngạn | 26,35 |
| 3 | Đông Triều | 408,46 |
| 4 | Cẩm Phả | 24,50 |
| 5 | Nông Sơn | 26,23 |

| | | |
|---|------------------|-----------------|
| 6 | Son Động | 10,04 |
| 7 | Đồng Nai 5 | 6,40 |
| 8 | DA Na Dương 2 | 714,36 |
| | Tổng cộng | 1.233,04 |

Công nợ phải trả: Tổng công ty đã thanh toán cho các nhà cung cấp, các nhà thầu thực hiện ở các dự án theo đúng hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả, đồng bộ công tác tái cơ cấu theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện lộ trình tiết giảm lao động, thực hiện mục tiêu “người ít lương cao”; tập trung nâng cao hơn nữa trình độ kỹ thuật và kỹ năng cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Một số chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty như sau:

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 | |
|------------|---------------------------------|-------------|-------------------|------------------------|
| | | | Hợp nhất | Công ty mẹ |
| I | SẢN XUẤT KINH DOANH | | | |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | tỷ. kWh | 9,333 | 9,169 |
| 2 | Doanh thu | tỷ. đồng | 13.622,227 | 13.117,291 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | " | 723,734 | 713,920 |
| II | ĐẦU TƯ XDCB | " | 1.851,887 | 1.839,798 |
| 1 | Dự án nhóm A | " | 1.539,516 | 1.539,516 |
| | Kế hoạch thực hiện 2026 | " | 1.539,516 | 1.539,516 |
| | Dự án NMNĐ Na Dương II | " | 1.539,516 | 1.539,516 |
| 2 | Dự án nhóm B | " | 146,185 | 146,185 |
| 3 | Dự án nhóm C | " | 182,191 | 170.102 |
| 3.1 | Kế hoạch thực hiện 2026 | " | 182,191 | 170.102 |
| 3.2 | Dự phòng | " | 40,374 | 40,374 |
| III | Tỷ lệ chi trả cổ tức (%) | % | | Dự kiến $\geq 3,5\%$ * |

(* Tỷ lệ chi trả cổ tức kế hoạch năm 2026: Được quyết định trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 dự kiến tổ chức ngày 28/4/2026).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Kiểm toán chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Chi tiết tại Điểm 6 - Mục II Báo cáo này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

HĐQT thống nhất với đánh giá của Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của Tổng công ty như đã báo cáo tại mục III.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành luôn chặt chẽ và được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị của Tổng công ty.

Định kỳ hay đột xuất hàng tuần HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp HĐQT để họp xem xét thảo luận các tờ trình của Tổng giám đốc, ban hành nghị quyết để Ban lãnh đạo điều hành tổ chức thực hiện, đồng thời quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được ĐHĐCĐ giao.

Các nghị quyết của HĐQT giao cho Ban lãnh đạo điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã thường xuyên có các cuộc họp đánh giá chung hoặc theo chuyên đề cùng với Ban lãnh đạo điều hành để xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Nhằm theo sát tình hình hoạt động sản xuất của các đơn vị trực thuộc, công ty con, HĐQT tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe Tổng giám đốc Tổng công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã được ban hành; Đồng thời đảm bảo các quy chế hoạt động, quản trị của Tổng công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.

Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên của HĐQT đối với Ban lãnh đạo điều hành, đột xuất hay định kỳ 6 tháng và cuối năm HĐQT yêu cầu Ban lãnh đạo điều hành báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết mà HĐQT đã ban hành trong tháng, quý, năm. Kết quả cho thấy Ban lãnh đạo điều hành đã nghiêm túc triển khai đầy đủ các quyết định, nghị quyết của HĐQT ban hành, đã chỉ đạo sát sao các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Tổng công ty giao cho.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

(1) Nhận diện rủi ro, các thách thức và mục tiêu năm 2026:

Năm 2026, HĐQT đã nhận diện rõ các rủi ro, thuận lợi có thể tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty trong thời gian tới, như: Điều kiện vĩ mô thế giới sẽ còn nhiều biến động và khó lường do các yếu tố giá năng lượng, lạm phát, chính sách thuế quan bất định; Trong nước, năm 2026 là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XV, tạo động lực cho cải cách và tăng trưởng, song nhìn chung vẫn chịu áp lực lớn từ bên ngoài và các điều kiện hạn chế nội tại.

Đối với Tổng công ty: Biến động của thị trường điện, đặc biệt là xu hướng nhu cầu và giá điện không ổn định, vẫn là yếu tố có tác động trực tiếp và khó kiểm soát; Áp lực về dòng tiền do công nợ tiền điện lớn và thời gian thanh toán kéo dài cũng là vấn đề cần được xử lý một cách căn cơ; Đồng thời, biến động

giá nhiên liệu đầu vào, chi phí đảm bảo môi trường tiếp tục đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản trị chi phí.

Những yếu tố này đòi hỏi Tổng công ty không chỉ duy trì khả năng thích ứng ngắn hạn mà còn cần phải xây dựng nền tảng quản trị đủ mạnh để ứng phó với các biến động trong dài hạn.

HDQT xác định một số mục tiêu trọng tâm cho năm 2026:

- Hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2026 đã được nêu trong Tờ trình ĐHĐCĐ về kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026.

Đối với công tác đầu tư phát triển và đầu tư duy trì: Hoàn thành, đưa Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II vào phát điện, hoàn thành Dự án Đầu tư hệ thống khử lưu huỳnh ngoài lò (FGD) NMNĐ Na Dương. Đẩy mạnh các công việc chuẩn bị các dự án cải tạo nâng cấp các hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo đáp ứng với Quy chuẩn môi trường mới sắp áp dụng. Chỉ đạo triển khai đúng tiến độ các dự án đầu tư duy trì sản xuất, nâng cấp thiết bị đã được ghi trong Kế hoạch đầu tư năm 2026 ...

Xây dựng đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 trình phê duyệt và tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý.

Chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số hoàn thành theo tiến độ của đề án đã được duyệt.

(2) Một số giải pháp lớn cho năm 2026:

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và các mục tiêu trọng tâm nêu trên, HDQT xác định một số giải pháp lớn và nhiệm vụ công tác như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2026 được ĐHĐCĐ thông qua.

- Khẩn trương triển khai các giải pháp, công việc đẩy nhanh tiến độ Dự án NMNĐ Na Dương II, đưa dự án phát điện đúng tiến độ.

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban lãnh đạo điều hành thực hiện hiệu quả các mặt công tác trong hoạt động SXKD: Công tác thực hiện các dự án đầu tư; Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Nghiên cứu, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị để nâng cao hiệu suất vận hành ổn định; Công tác quản trị chi phí; ...

- Chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban lãnh đạo điều hành thực hiện các giải pháp theo Tờ trình ĐHĐCĐ về kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026.

- Tăng cường giám sát công tác quản lý kỹ thuật, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, tiêu hao nguyên nhiên liệu, kiểm soát chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, HDQT sẽ tiếp tục tăng cường công tác giám sát, kiểm tra để chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy

chế nội bộ để các quy chế này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành SXKD trong toàn Tổng công ty.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

a) **Thành viên và cơ cấu của HĐQT:** Chi tiết tại Điểm 2 - Mục II Báo cáo này.

b) **Các tiểu ban thuộc HĐQT:** Các tiểu ban thuộc HĐQT gồm: Thư ký HĐQT và Bộ phận kiểm toán nội bộ.

c) Hoạt động của HĐQT:

Về thực hiện chức năng quản lý

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục triển khai hoạt động quản trị theo hướng chủ động, linh hoạt và bám sát thực tiễn. Trọng tâm điều hành không chỉ dừng ở việc ban hành nghị quyết mà tập trung vào việc đưa ra các quyết định có tính định hướng và tạo tác động thực chất đến hoạt động của Tổng công ty.

Một trong những nội dung quan trọng là việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường điện. Thay vì duy trì các chỉ tiêu sản lượng trong điều kiện không còn phù hợp, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo chuyển trọng tâm sang tối ưu hiệu quả, qua đó giúp Tổng công ty giữ được mức lợi nhuận ổn định và có tăng trưởng trong bối cảnh giá điện giảm sâu.

Song song với đó, công tác quản trị chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành được đặc biệt chú trọng. Các giải pháp được triển khai đồng bộ từ cấp Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong lĩnh vực đầu tư, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, đặc biệt là dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II và các dự án liên quan đến nâng cấp hệ thống xử lý môi trường. Đây là những dự án có ý nghĩa quan trọng, không chỉ đối với tăng trưởng mà còn đối với việc đảm bảo tuân thủ các quy định môi trường ngày càng chặt chẽ.

Bên cạnh đó, công tác tái cơ cấu tổ chức và kiện toàn bộ máy tiếp tục được triển khai nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, đảm bảo sự linh hoạt và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Công tác cụ thể

Căn cứ quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị, trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất, ban hành 71 nghị quyết với 188 nội dung, tập trung vào các vấn đề trọng yếu trong quản trị và điều hành hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh được thực hiện kịp thời và hiệu quả, bao gồm:

-Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2025, đồng thời định hướng kế hoạch năm 2026 trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường và yêu cầu quản trị. Trong lĩnh vực đầu tư, các nội dung liên quan đến dự án trọng điểm, đặc biệt là dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II và các dự án đầu tư thiết bị bảo vệ môi trường, đã được xem xét, phê duyệt và chỉ đạo triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo phù hợp với định

hướng phát triển và yêu cầu tuân thủ quy định pháp luật. Chỉ đạo đẩy mạnh việc nghiên cứu phương án đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải của các nhà máy để đáp ứng quy chuẩn môi trường, công tác đốt thử nghiệm chuyển đổi nhiên liệu, công tác chuyển đổi số v.v...

- Công tác tái cơ cấu, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ của Tổng công ty được HĐQT thực hiện theo thẩm quyền gồm công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, với các nội dung như: Bổ nhiệm mới 1 giám đốc đơn vị (Sơn Động), điều động luân chuyển 1 giám đốc đơn vị (Đông Triều), điều động luân chuyển 3 kế toán trưởng đơn vị (Đông Triều, Sơn Động, Cao Ngạn), miễn nhiệm và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc, miễn nhiệm và bầu mới chủ tịch HĐQT, trình ĐHCĐ bất thường để miễn nhiệm 1 thành viên HĐQT/đồng thời bầu bổ sung 1 thành viên HĐQT...

- Song song với đó, Hội đồng quản trị đã ban hành mới, sửa đổi và bổ sung nhiều quy chế quản lý nội bộ, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định không còn phù hợp nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, tăng cường kiểm soát nội bộ và nâng cao tính tuân thủ trong toàn Tổng công ty. Cụ thể, sửa đổi ban hành 5 quy chế, gồm: Quy chế sửa chữa tài sản cố định; Quy chế về tổ chức, hoạt động pháp chế; Quy chế Thi đua, khen thưởng; Quy chế về hoạt động mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh; Quy chế chi tiêu nội bộ trong Công ty mẹ;... và kết thúc thực hiện Quy chế chế Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu; Bãi bỏ Quy chế Tổ chức và hoạt động công tác thanh tra.

- Công tác quản trị công ty đại chúng được thực hiện nghiêm túc, bao gồm việc tổ chức thành công 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 24/4/2025 theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong năm vào ngày 26/11/2025 để thông qua kiện toàn nhân sự HĐQT, đồng thời đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Tổng công ty đối với cổ đông và thị trường.

- Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua các đợt làm việc trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc và công ty con, kịp thời nắm bắt tình hình và chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, như việc thiếu hụt nguồn than ở Sơn Động, vấn đề giá than cao ở Cao Ngạn, Na Dương, kiểm tra và đôn đốc vấn đề tiến độ của Dự án NMNĐ Na Dương II. Các nghị quyết sau khi ban hành đều được theo dõi, đôn đốc triển khai và đánh giá định kỳ, đảm bảo việc thực hiện đồng bộ và hiệu quả trong toàn hệ thống.

Kết thúc năm 2025, HĐQT đã chủ trì đánh giá kiểm điểm từng đồng chí thành viên HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành, Người đại diện phần vốn và người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, giám đốc các đơn vị trực thuộc và công ty con, để phân tích đánh giá đối với từng đồng chí về những mặt làm được cần phát huy, những mặt còn tồn tại cần chấn chỉnh và rút kinh nghiệm cho thời gian tiếp theo.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã thực hiện theo đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Công tác quản lý hoạt động SXKD thể hiện qua các đợt làm việc, các nghị quyết, quyết định được kịp thời, sát thực, đảm bảo việc điều hành SXKD được thuận lợi và thông suốt.

Tập thể HĐQT và từng thành viên HĐQT đã thực hiện đúng nguyên tắc làm việc theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT, luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết và nỗ lực cao nhất vì lợi ích của Tổng công ty và của cổ đông.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty với sự cẩn trọng, ý thức trách nhiệm cao. Các ý kiến của Thành viên HĐQT độc lập đối với các nội dung thảo luận, biểu quyết trong các cuộc họp HĐQT mang tính khách quan, xây dựng, độc lập, vì mục tiêu xây dựng và phát triển Tổng công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Chi tiết tại Điểm 2 - Mục II Báo cáo này.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Thực hiện theo đúng nhiệm vụ do ĐHCĐ giao cho, trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã triển khai các công việc chính như sau:

- Hợp kiểm điểm hoạt động của Ban kiểm soát 2025 triển khai công tác kiểm soát năm 2025.

- Giám sát việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT thông qua các cuộc họp cùng HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban của điều hành.

- Kế hoạch kiểm tra năm 2025 của Ban Kiểm soát đã báo cáo tại ĐH đồng cổ đông năm 2025 vào ngày 24/4/2025 và được thông qua tại Nghị quyết số 15/NQ-ĐHCĐ-2025 ngày 24/4/2025. Căn cứ vào đó, Ban Kiểm soát phối hợp với các phòng chức năng của Tổng công ty triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- + Thực hiện kế hoạch giám sát: Ban KS triển khai chương trình làm việc tại các đơn vị với chuyên đề: Giám sát việc thực hiện các chỉ đạo của Tổng công ty trong hoạt động SXKD quý I và 4 tháng đầu năm 2025; Giám sát Báo cáo tài chính Quý I, 6 tháng, 9 tháng đầu năm 2025; Giám sát việc thực hiện kiến nghị của các Đoàn kiểm tra năm 2024 và Quý I, 8 tháng, 10 tháng năm 2025; Giám sát công tác quyết toán SCL năm 2024, Giám sát thực hiện SCL TSCĐ năm 2025; Giám sát thực hiện đầu tư năm 2025; Giám sát việc thực hiện tiền lương, sử dụng các quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng năm 2024 và 8 tháng đầu năm 2025, tại các công điện và văn bản: Công Điện số 1184/CĐ-ĐLTKV ngày 28/04/2025; Công điện số 2505/CĐ-ĐLTKV ngày 05/09/2025; Công điện số 3250/CĐ-ĐLTKV ngày 10/11/2025; Công điện số 3309/CĐ-ĐLTKV ngày 14/11/2025

Kết quả kiểm tra các nội dung theo chuyên đề được Ban Kiểm soát và đơn vị thống nhất bằng các biên bản làm việc.

+ Phối hợp cùng công ty kiểm toán độc lập (UHY) tiến hành Soát xét BCTC bán niên cũng như cả năm 2025.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD năm 2025 của Tổng công ty và các văn bản của TKV liên quan đến mức thù lao, tiền lương của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2025 như sau:

| TT | Chức danh quản lý | Số người BQ | Tiền lương (triệu đồng) | | Thù lao (triệu đồng) | |
|----|-------------------------------------|-------------|-------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
| | | | Nghị quyết ĐHĐCĐ | Thực ¹ hiện | Nghị quyết ĐHĐCĐ | Thực hiện |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | | | 74,4 | 74,4 |
| 2 | Thành viên HĐQT, TGD | 1 | 720 | 864,00 | 64,8 | 80,3 ² |
| 3 | Thành viên HĐQT (chuyên trách) | 0,8 | 648 | 589,68 | | |
| 4 | Thành viên HĐQT, Phó TGD | 1 | 648 | 777,6 | 64,8 | 64,8 |
| 5 | Thành viên HĐQT (độc lập) | 1 | | | 324 | 324 |
| 6 | Phó tổng giám đốc | 2 | 2.592 | 1555,2 | | |
| 7 | Kế toán trưởng | 1 | 600 | 720,00 | | |
| 8 | Trưởng ban Kiểm soát (Chuyên trách) | 1 | 672 | 806,40 | | |
| 9 | Thành viên Ban kiểm soát | 2 | | | 120 | 120 |
| | Tổng cộng | | 5.880 | 5.312,88 | 648 | 663,5 |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Phụ lục kèm theo.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty:

Trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

¹ Tổng công ty có lợi nhuận 2025 vượt kế hoạch, do vậy cứ 1% lợi nhuận vượt kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

² Tăng số tiền là 15,495 triệu đồng so với kế hoạch do phát sinh thù lao của ông Bùi Minh Tân - Thành viên Hội đồng quản trị chuyển sang hoạt động không chuyên trách từ 06/10/2025.

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính:

Báo cáo Tài chính của Tổng công ty được kiểm toán (hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2025) đã được công bố trên Website Tổng công ty tại địa chỉ www.dienluctkv.vn và tại Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, ĐU, BKS (e-copy, b/c);
- Ban lãnh đạo điều hành (e-copy);
- Công đoàn, Đoàn TN (e-copy);
- Các phòng ĐLTKV (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, T.ký HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Minh Tân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-ĐLTKV ngày 16/04/2026)

Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.

| Stt | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Mối quan hệ | Địa chỉ | Số Hợp đồng/ Ngày ký | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) |
|-----|--|-------------|--|---|---------------------------------------|--|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin - Chi nhánh TKV (Ủy quyền thực hiện các HĐ mua bán than cung cấp cho các nhà máy điện thuộc TCT | Cổ đông lớn | Số 3 Đường Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. | HĐ số 48A HĐ/Vinacomin-TCT Điện lực/2011 ngày 19/12/2011; Hợp đồng dịch vụ số 68/2024/HĐTVP/TKV - POWERTKV ngày 01/7/2024 v/v cho thuê văn phòng tòa nhà Trung tâm giao dịch Than-Khoáng sản Việt Nam (HĐ ký 05 năm); Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhà hiệu ngày 16/7/2024 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Điện lực - TKV | Vay và các khoản nợ thuế tài chính | Giá trị hợp đồng vay: 2.307.459.960.000; Dư vay đến 31/12/2025: 230.745.996.000 |
| | | | | Gốc vay đã trả | 226.918.746.000 | |
| | | | | Chi lãi vay đã trả | 15.143.771.628 | |
| | | | | Đề tài NCKH | 2.362.112.709 | |
| | | | | Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu TKV, thuế văn phòng và các chi phí liên quan | 54.066.081.956 | |
| | | | | Bán than | 165.033.973.686 | |
| | | | | | Mua than | 171.002.209.534 |
| | | | | HĐ số 241/HĐ/TKV-ĐLTKV ngày 13/12/2024 HĐ số 242/HĐ/TKV-ĐLTKV ngày 13/12/2024 (Các đơn vị mua than trực tiếp) | Mua than | 7.009.469.938.636 |

| Stt | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Mối quan hệ | Địa chỉ | Số Hợp đồng/ Ngày ký | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) |
|-----|---|--|---|---|---|------------------------------------|
| 2 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin - Chi nhánh TKV - | Người có liên quan của cổ đông lớn | Tổ 93, khu 9B, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | HĐ số 27/2025/HĐDV/KVCP-V.NSCP ngày 31/12/2024 & HĐ số 86/2024/HĐ-KH ngày 31/12/2024 | Cung cấp dịch vụ | 994.857.318 |
| 3 | Công ty kinh doanh than Hà Bắc - CN Công ty CP KD than Miền Bắc - Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 26A, đường Hoàng Quốc Việt, khu I, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh | HĐ mua bán than số 132/HĐMBT/THB-ĐLTKV ngày 04/12/2025 | Mua than | 128.924.992.487 |
| 4 | Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV | Công ty con | Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | HĐ số 269/HĐ/ĐLTKV-V.NSCP ngày 18/12/2024 HĐ số 147/2025/ĐLTKV-V.NSCP ngày 31/12/2024 | Bán than Mua than | 171.002.209.534 165.033.973.686 |
| 5 | Công ty Cổ phần Địa chất và Khoáng sản Vinacomin (GEOSIMCO) | Người có liên quan với người nội bộ của Tổng công ty | 173 Trương Định, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh | HĐ số 67/2025/HĐ/VNSCP-GEOSIMCO ngày 31/03/2025; HĐ số 109/2025/HĐ/VNSCP-GEOSIMCO ngày 12/05/2025 | Mua dịch vụ | 521.505.440 |
| 6 | Công ty CP tư vấn đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin: | Người có liên quan với người nội bộ của Tổng công ty | Ngõ 719 đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, Thái Nguyên | Hợp đồng số 92/2024/HĐSXKD-CN ngày 15/4/2024. (NMND Cao Ngạn) | Kiểm kê khí nhà kính. | 315.000.000 |
| 7 | Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Cao Ngạn, Nông Sơn. | Mua hàng hóa bảo hộ lao động, dịch vụ khoan nổ mìn. | 7.904.716.186 |

| Stt | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Mối quan hệ | Địa chỉ | Số Hợp đồng/ Ngày ký | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) |
|-----|--|--|---|--|--|-----------------------------|
| 8 | Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã đăng ký học các khóa đào tạo gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Đông Triều, Đông Nai 5, Cẩm Phả, Nông Sơn. | Khóa học đào tạo | 2.744.770.239 |
| 9 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã đăng ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Đông Triều, Na Dương II. | Khám sức khỏe định kỳ | 1.273.947.599 |
| 10 | TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Hợp đồng số 138/2025/ĐLTKV- VVM-LONGTHINH68 ngày 27/12/202 | Mua đá vôi và dịch vụ thuê ngoài | 21.192.261.583 |
| 11 | Công ty TNHH 1TV Môi trường TKV | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Đông Triều, Cẩm Phả | Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, xử lý dầu thải | 770.873.320 |
| 12 | Viện Khoa học Công nghệ Mỏ | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Đơn vị trực thuộc Sơn Động của Tổng công ty đã ký hợp đồng | Kiểm định thiết bị | 1.006.571.049 |
| 13 | Viện Cơ khí năng lượng và mỏ | Người có liên quan của cổ đông lớn | 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội | Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Đông Triều, Đông Nai 5, Cẩm Phả | Kiểm định, thí nghiệm, vật tư các thiết bị hệ thống điện | 5.814.248.576 |
| 14 | Công ty CP Vật tư TKV | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 40 đường Nguyễn Vĩnh Bảo, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội | Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Cẩm Phả | Mua vật tư, nguyên vật liệu | 36.178.939.247 |

| Stt | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Mối quan hệ | Địa chỉ | Số Hợp đồng/ Ngày ký | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) |
|-----|---|--|---|--|--|-----------------------------|
| 15 | Trường CĐ Than - Khoáng sản Việt Nam | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 8 Chu Văn An, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Đông Triều, Đông Nai 5, Cẩm Phả, Nông Sơn | Kinh phí đào tạo nghề kỹ thuật | 4.653.724.500 |
| 16 | CTCP Du lịch & Thương mại Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | Tầng 8, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Cao Ngạn, Sơn Động, Đông Triều, Đông Nai 5, Ban QLDA NMNĐ ND II, Nông Sơn | Dịch vụ tham quan và các dịch vụ khác | 14.246.688.519 |
| 17 | Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Sơn Động, Cẩm Phả | Sửa chữa lớn máy móc thiết bị | 34.269.773.350 |
| 18 | Công ty CP đầu tư, thương mại và dịch vụ | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Nông Sơn | Mua vật tư | 12.926.370.134 |
| 19 | Công ty CP Tin học Công nghệ và Môi trường | Người có liên quan của cổ đông lớn | B15 Đại Kim, Phường Định Công, TP Hà Nội | Các đơn vị trực thuộc/công ty con của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Na Dương, Đông Triều, Đông Nai 5, Cẩm Phả, Nông Sơn | Dịch vụ thuê ngoài | 2.187.141.870 |

| Stt | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Mối quan hệ | Địa chỉ | Số Hợp đồng/ Ngày ký | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch (đồng) |
|-----|---|------------------------------------|--|---|---|-----------------------------|
| 20 | CTCP Giám định - Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 55, đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh | Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đã ký hợp đồng gồm các đơn vị như sau: Cao Ngạn, Sơn Động. | Giám định than, đá vôi | 260.010.315 |
| 21 | Công ty CP địa chất mỏ | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty là Cẩm Phả đã ký hợp đồng | Phân tích, giám định đá vôi | 274.826.021 |
| 22 | Công ty CP Công nghiệp ô tô | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty là Cẩm Phả đã ký hợp đồng | Sửa chữa lớn máy xúc | 930.979.560 |
| 23 | Trung tâm cấp cứu mỏ | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Công ty con Nông Sơn của Tổng công ty đã ký hợp đồng | Chi phí huấn luyện thường xuyên giải quyết sự cố mỏ | 266.000.000 |
| 24 | Trung tâm Y tế Than Khu vực Mạo Khê | Người có liên quan của cổ đông lớn | | Các đơn vị trực thuộc Đông Triều của Tổng công ty đã ký hợp đồng | Khám sức khỏe định kỳ | 164.421.100 |

Ghi chú: các từ viết tắt được hiểu như sau:

- Na Dương: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
- Cao Ngạn: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
- Sơn Đông: Công ty Nhiệt điện Sơn Đông - TKV
- Đông Triều: Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV
- Cẩm Phả: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV
- Đông Nai 5: Công ty Thủy điện Đông Nai 5 - TKV
- Nông Sơn: Công ty Cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV
- Na Dương II: Ban Quản lý Dự án NMNĐ Na Dương II - TKV;

